

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 28-7-2023

*“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Tài Mon.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-DS ngày 10/7/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1959. Địa chỉ: **ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**

* Bị đơn: Bà **Trần Kiều D**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà **Lê Thị C** trình bày: Bà làm chủ hụi nhiều năm. Trong thời gian này bà **Trần Kiều D** đã tham gia chơi hụi do bà làm chủ đối với nhiều dây hụi. Cụ thể các dây hụi bà **D** tham gia như sau (ngày, tháng, năm tính theo âm lịch):

1. Dây hụi áp ngày 10/7/2020, loại hụi 2.000.000 đồng, có 26 chân hụi, bà **D** tham gia 01 chân. Hụi đến lần thứ 4 ngày 10/10/2020 thì bà **D** trúng hụi. Tiền còn 1,000.000 đồng. Sau khi hốt bà **D** đã đóng được 02 lần. Tổng cộng bà **D** đã đóng được tổng cộng 6 lần, còn nợ lại hụi chết 20 lần x 2.000.000 đồng = 40.000.000 đồng nhưng bà **D** không đóng nữa nên bà đã lấp cho bà **D** là 20 lần = 40.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 10/7/2022.

2. Dây hụi áp ngày 20/7/2020, loại hụi 2.000.000 đồng, có 27 chân hụi, bà D tham gia 01 chân. Ngày 20/10/2020 bà D trúng hụi và hốt. Trước và sau khi hốt bà D đã đóng được tổng cộng 06 lần, còn nợ lại hụi chết 21 lần x 2.000.000 đồng 42.000.000 đồng nhưng bà D không đóng nữa nên bà đã lấp cho bà D là 21 lần 42.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 20/7/2022.

3. Dây hụi áp ngày 20/7/2020, loại hụi 5.000.000 đồng, có 15 chân hụi, bà D tham gia 01 chân. Hụi đến ngày 20/8/2020 thì bà D bỏ trúng hụi và hốt. Trước và sau khi hốt bà D đã đóng được tổng cộng 06 lần, còn nợ lại hụi chết 09 lần x 5.000.000 đồng = 45.000.000 đồng nhưng bà D không đóng nữa nên bà đã lấp cho bà D là 09 lần = 45.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 20/9/2021. Tổng số tiền nợ là 127.000.000 đồng bà D đã trả được 7.000.000 đồng

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Kiều D phải trả cho bà số tiền hụi đã lấp cho bà D đối với 03 dây hụi là 120.000.000 đồng.

* Bị đơn bà Trần Kiều D trình bày tại bản tự khai ngày 07/7/2023: Bà tham gia chơi hụi do bà C làm chủ hụi đã nhiều năm nay. Tính đến ngày hôm nay thì bà nhớ là có tham gia 03 dây hụi. Nay bà không thống nhất với yêu cầu của bà C, bà chỉ thống nhất là còn nợ bà C tiền hụi 100 triệu đồng.

Tại phiên tòa bà C xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà D trả 100.000.000 đồng tiền hụi còn thiếu. Bà C xác định chỉ yêu cầu bà D trả số tiền còn thiếu không yêu cầu chồng bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà C yêu cầu bà D trả cho bà số tiền nợ hụi do bà đã góp thay cho bà D với số tiền 120.000.000.đồng Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Tại phiên tòa bà C xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng, việc rút yêu cầu là tự nguyện và phù hợp theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu đối với số tiền 20.000.000 đồng trên.

[2] *Nội dung tranh chấp*: Nguyên đơn bà C và bà D đều thống nhất bà C làm chủ hội. Bà D có tham gia góp hội do bà C làm chủ. Trong các dây hội bà D tham gia các dây hội đã mãn; các dây hội trên bà D đã lĩnh hội xong. Trong tất cả các phần hội bà D tham gia bà lĩnh hội xong nhưng không góp lại hội chết cho bà C, còn nợ lại bà C số tiền 100.000.000 đồng đến nay chưa trả. Bà C đã nhiều lần yêu cầu bà D trả số tiền trên như bà D không trả. Từ đó 02 bên phát sinh tranh chấp.

[2.1] Trong các dây hội bà D tham gia đều đã mãn với số tiền mà bà C đã góp thay cho bà D và bà D đã nợ lại bà là: 100.000.000 đồng. Bà C đã nhiều lần yêu cầu bà D trả số tiền hội còn nợ cho bà nhưng bà D không trả nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D cũng thừa nhận hiện nay còn thiếu bà C tổng số tiền 100.000.000 đồng. HĐXX căn cứ Điều 92 (*Quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận đó là sự thật.

[2.2] *Xét yêu cầu của bà C thấy rằng*: Việc chơi hội phía chủ hội là bà C có ghi việc góp hội và lĩnh hội của các hội viên. Khi đến lượt hội viên lĩnh hội và góp hội bà C cũng có giao hội cho các hội viên. Nhưng khi bà D lĩnh hội xong thì bà không thực hiện nghĩa vụ của hội viên là phải góp phần hội của mình để chủ hội giao cho các hội viên khác khi được lĩnh hội. Điều này đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Nay bà Cẩm k yêu cầu bà D trả số tiền hội còn thiếu là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà D trả cho bà C tổng số tiền nợ hội 100.000.000 đồng.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% là 5.000.000 đồng, bị đơn bà Trần Kiều D chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 244, Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 468, Điều 471 của Bộ Luật dân sự; khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị C** về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi với bà **Trần Kiều D**.

Buộc bà **Trần Kiều D** phải trả cho bà **Lê Thị C** số tiền nợ hụi còn thiếu là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà **Lê Thị C** có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà **Trần Kiều D** không trả đủ số tiền trên thì bà **D** còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **C** đối với số tiền 20.000.000 đồng

3. Về án phí: Án phí DSST 5% là 5.000.000 đồng, bà **Trần Kiều D** chịu.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/7/2023), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;

PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Trần Thị Mỹ Vinh